

Số: /BC-BVHH

Hoàng Hóa, ngày tháng năm 2025

**BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT VỆ SINH TAY
THÁNG 5 NĂM 2025**

1. Thời gian, địa điểm, cỡ mẫu và đối tượng giám sát

- Thời gian: Từ tháng 01/5/2025 đến 31/5/2025
- Đối tượng: Nhóm Bác sỹ, ĐD/HS/KTY, Vệ sinh, Người nhà NB tại các khoa Khám bệnh, CLS, Nhi – Cấp cứu - Hồi sức tích cực – Chống độc, Ngoại, Phụ sản, Nội, Truyền nhiễm, YHCT - PHCN, Răng hàm mặt - Mắt – Tai mũi họng.
- Cỡ mẫu: 1067 cơ hội vệ sinh tay.

2. Phương pháp thu thập số liệu

- Quan sát trực tiếp tuân thủ quy trình VST, điền vào phiếu giám sát được thiết kế sẵn.
- Đánh giá tuân thủ VST của NVYT một cách ngẫu nhiên trước các cơ hội VST.

3. Công cụ thu thập số liệu

Phiếu giám sát tuân thủ vệ sinh tay.

4. Xử lý và phân tích số liệu: Bảng phần mềm EXCEL.

5. Kết quả giám sát

5.1. Tỷ lệ tuân thủ 5 thời điểm vệ sinh tay của NVYT theo chức danh chuyên môn tại các Khoa Lâm sàng

Chức danh	Giám sát trực tiếp			
	Tuân thủ		Không tuân thủ	
	N	Tỷ lệ %	N	Tỷ lệ %
1. Cấp cứu- Hồi sức tích cực – Chống độc				
Nhóm BS	20	80	5	20
Nhóm ĐD/HS/KTY	90	83.3	18	16.7
Nhóm vệ sinh	8	80	2	20
Nhóm người nhà NB	6	60	4	40
2. Nhi				
Nhóm BS	5	83.3	1	16.7
Nhóm ĐD/HS/KTY	27	81.8	6	18.2

Nhóm vệ sinh	5	71.4	2	28.6
Nhóm người nhà NB	2	66.7	1	33.3
3. Khoa ngoại				
Nhóm BS	26	78.8	7	21.2
Nhóm ĐD/HS/KTY	68	85	12	15
Nhóm vệ sinh	8	80	2	20
Nhóm người nhà NB	4	57.1	3	42.9
4. Khoa Răng hàm mặt – Mắt – Tai mũi họng				
Nhóm BS	39	81.3	9	18.7
Nhóm ĐD/HS/KTY	70	74.5	24	25.5
Nhóm vệ sinh	6	75	2	25
Nhóm người nhà NB	3	60	2	40
5. Khoa Phụ sản				
Nhóm BS	7	77.8	2	22.2
Nhóm ĐD/HS/KTY	39	81.2	9	18.8
Nhóm vệ sinh	4	75	1	25
Nhóm người nhà NB	3	60	2	40
6. Khoa Nội				
Nhóm BS	7	77.8	3	22.2
Nhóm ĐD/HS/KTY	86	76.8	26	23.2
Nhóm vệ sinh	4	75	1	25
Nhóm người nhà NB	3	60	2	40
7. Khoa Truyền Nhiễm				
Nhóm BS	18	81.8	4	18.2
Nhóm ĐD/HS/KTY	52	82.5	11	17.5
Nhóm vệ sinh	8	80	2	20
Nhóm người nhà NB	5	62,5	3	37.5
8. Khoa YHCT - PHCN				
Nhóm BS	22	75.8	7	24.2
Nhóm ĐD/HS/KTY	40	80	10	20
Nhóm vệ sinh	4	75	1	25

Nhóm người nhà NB	3	50	3	50
Tổng số	690		189	

Nhận xét:

- Tỷ lệ tuân thủ VST của NVYT tại 5 thời điểm theo nhóm chức danh tại các khoa lâm sàng trong tháng 5 năm 2025 qua giám sát trực tiếp cho thấy nhóm BS khoa Nhi, khoa truyền nhiễm, khoa Răng hàm mặt - Mắt -Tai mũi họng đều đạt tỷ lệ > 80%; nhóm ĐD/HS/KTY khoa Ngoại, khoa Cấp cứu - HSTC, khoa Sản, Khoa Truyền Nhiễm, khoa YHCT đều đạt tỷ lệ > 80%; nhóm Vệ sinh tại các khoa Cấp cứu - HSTC, khoa Truyền Nhiễm đạt tỷ lệ 80%.

- Tỷ lệ không tuân thủ VST của NVYT tại 5 thời điểm theo nhóm chức danh tại các khoa Lâm sàng trong tháng 5 năm 2025 qua giám sát trực tiếp nhóm Bác sĩ khoa YHCT-PHCN: 24.2%, nhóm ĐD/HS/KTY khoa Răng hàm mặt - Mắt -Tai mũi họng: 25.5%, nhóm vệ sinh khoa Nhi: 28.6%. Nhóm người nhà NB khoa YHCT-PHCN: 50%, nhóm người nhà NB khoa Ngoại: 42.9%, nhóm người nhà NB khoa Nội, Răng hàm mặt – Mắt – Tai mũi họng: 40%.

5.2 Tỷ lệ tuân thủ 5 thời điểm vệ sinh tay của NVYT theo nhóm chức danh chuyên môn tại các Khoa Cận lâm sàng

Chức danh	Giám sát trực tiếp			
	Tuân thủ		Không tuân thủ	
	N	Tỷ lệ %	N	Tỷ lệ %
1.Khoa Khám bệnh				
Nhóm BS	24	75	8	25
Nhóm ĐD/HS/KTY	44	77.2	13	22.8
Nhóm vệ sinh	4	80	1	20
Nhóm người nhà NB	0	0	0	0
2. Khoa CLS				
Nhóm BS	26	76,4	8	24,6
Nhóm ĐD/HS/KTY	44	74.6	15	25.4
Nhóm vệ sinh	4	80	1	20
Nhóm người nhà NB	0	0	0	0
	146		42	

Nhận xét:

- Tỷ lệ tuân thủ 5 thời điểm vệ sinh tay của NVYT theo nhóm chức danh tại các khoa Cận Lâm Sàng trong tháng 5 năm 2025 qua giám sát trực tiếp cho thấy: Nhóm Nhóm ĐD/HS/KTY khoa Khám Bệnh đạt: 77,2%, nhóm ĐD/HS/KTY khoa Cận Lâm sàng đạt: 74,6% tỷ lệ tuân thủ của nhóm BS khoa Khám Bệnh: 75%, nhóm Bác sĩ khoa Cận Lâm Sàng: 76.4%, tỷ lệ tuân thủ của nhóm vệ sinh khoa Khám Bệnh: 75%, nhóm vệ sinh khoa Cận Lâm Sàng: 80%.

- Tỷ lệ không tuân thủ 5 thời điểm vệ sinh tay của NVYT theo nhóm chức danh tại Khoa Khám Bệnh và khoa Cận Lâm Sàng như sau: Nhóm Bác sĩ khoa Khám Bệnh: 25%, Nhóm Bác sĩ khoa Cận Lâm Sàng: 24,6%, nhóm ĐD/HS/KTY khoa Khám Bệnh: 22.8%, nhóm ĐD/HS/KTY khoa Cận Lâm Sàng: 25.4%; nhóm vệ sinh khoa Khám Bệnh, nhóm vệ sinh khoa Cận Lâm Sàng: 20%.

- Chưa thực hiện giám sát trực tiếp trên nhóm người nhà người bệnh tại 2 khoa này.

5.3. Tỷ lệ thực hiện đúng quy trình VST 6 bước của NVYT theo nhóm chức danh chuyên môn khoa Cận lâm sàng

Chức danh	Thực hiện đủ		Không thực hiện đủ		Tổng số	
	N	Tỷ lệ (%)	N	Tỷ lệ (%)	N	Tỷ lệ (%)
Khoa Khám Bệnh						
Nhóm BS	18	75	6	25	24	100
Nhóm ĐD/HS/KTY	36	81.8	8	18.2	44	100
Nhóm vệ sinh.	3	75	1	25	4	100
Khoa Cận Lâm Sàng						
Nhóm BS	21	80.8	5	19.2	26	100
Nhóm ĐD/HS/KTY	35	79.5	9	20.5	44	100
Nhóm vệ sinh.	3	75	1	25	4	100

Nhận xét:

- Tỷ lệ thực hiện đủ quy trình VST 6 bước tại các khoa Cận lâm sàng Nhóm Bác sĩ khoa Khám Bệnh: 75%, nhóm Bác sĩ khoa Cận Lâm Sàng: 80.8%, nhóm ĐD/HS/KTY khoa Lâm sàng: 79.5%, nhóm ĐD/HS/KTY khoa Khám Bệnh: 81.8%, nhóm Vệ sinh khoa Khám Bệnh và nhóm Vệ sinh khoa Cận Lâm Sàng: 75%.

-Tỷ lệ không thực hiện đủ quy trình VST 6 bước tại các khoa Cận Lâm Sàng Nhóm Bác sĩ khoa Khám Bệnh: 25%, nhóm Bác sĩ khoa Cận Lâm Sàng: 19.2%, nhóm Vệ sinh khoa Cận Lâm Sàng và nhóm Vệ sinh khoa Khám Bệnh: 25%, nhóm ĐD/HS/KTY khoa Khám Bệnh: 18.2%, nhóm ĐD/HS/KTY khoa Cận Lâm Sàng: 20.5%.

5.4. Tỷ lệ thực hiện đúng quy trình VST 6 bước của NVYT theo nhóm chức danh chuyên môn khoa Lâm sàng:

Chức danh	Thực hiện đủ		Không thực hiện đủ		Tổng số	
	N	Tỷ lệ (%)	N	Tỷ lệ (%)	N	Tỷ lệ (%)
Khoa Cấp cứu - HSTC						
Nhóm BS	16	80	4	20	20	100
Nhóm ĐD/HS/KTY	79	87.8	11	12.2	90	100
Nhóm vệ sinh.	6	75	2	25	8	100
Khoa Nhi						
Nhóm BS	4	80	1	20	5	100
Nhóm ĐD/HS/KTY	23	85.2	4	14.8	27	100
Nhóm vệ sinh.	4	80	1	20	5	100
Khoa Ngoại						
Nhóm BS	20	76.9	6	23.1	26	100
Nhóm ĐD/HS/KTY	58	85.3	10	14.7	68	100
Nhóm vệ sinh.	6	75	2	25	8	100
Khoa Răng hàm mặt – Mắt – Tai mũi họng						
Nhóm BS	32	82.1	7	17.9	39	100
Nhóm ĐD/HS/KTY	54	77.1	16	22.9	70	100
Nhóm vệ sinh.	5	83.3	1	16.7	6	100
Khoa Phụ sản						
Nhóm BS	6	85.7	1	14.3	7	100
Nhóm ĐD/HS/KTY	33	84.6	6	15.4	39	100
Nhóm vệ sinh.	3	75	1	25	4	100

Khoa Nội						
Nhóm BS	6	85.7	1	14.3	7	100
Nhóm ĐD/HS/KTY	67	77.9	19	22.1	86	100
Nhóm vệ sinh.	3	75	1	25	4	100
Khoa Truyền Nhiễm						
Nhóm BS	15	83.3	3	16.7	18	100
Nhóm ĐD/HS/KTY	43	82.7	9	17.3	52	100
Nhóm vệ sinh.	7	87.5	1	12.5	8	100
Khoa YHCT - PHCN						
Nhóm BS	17	77.2	5	22.8	22	100
Nhóm ĐD/HS/KTY	32	80	8	20	40	100
Nhóm vệ sinh.	3	75	1	25	4	100
Tổng số	542		121		663	

Nhận xét:

Tỷ lệ thực hiện đủ quy trình VST 6 bước tại các khoa Lâm Sàng cho thấy Nhóm Bác sĩ và nhóm ĐD/HS/KTY tại các khoa đa số tỷ lệ tuân thủ trên 80%; Nhóm vệ sinh khoa truyền nhiễm, khoa Nhi, Khoa Răng hàm mặt – Mắt – Tai mũi họng đạt tỷ lệ trên 80%.

6. Kết luận

- Tỷ lệ tuân thủ 5 thời điểm vệ sinh tay của NVYT theo chức danh chuyên môn tại các Khoa Lâm sàng và Cận Lâm sàng nhóm ĐD/HS/KTY và nhóm bác sĩ đạt tỷ lệ cao nhất, nhóm Bác Sĩ thấp hơn so với nhóm ĐD/HS/KTY.

Tỷ lệ không tuân thủ 5 thời điểm vệ sinh tay đạt tỷ lệ cao nhất là nhóm Người nhà NB.

- Tỷ lệ thực hiện đúng quy trình VST 6 bước của NVYT theo nhóm chức danh chuyên môn các khoa lâm sàng và Cận lâm sàng nhóm đạt tỷ lệ tuân thủ cao nhất, so với các nhóm là nhóm ĐD/HS/KTY và nhóm Bác sĩ, Nhóm đạt tỷ lệ tuân thủ thấp nhất tại các khoa Lâm Sàng, và Cận Lâm Sàng là nhóm vệ sinh.

7. Đề nghị

- Thực hiện 5 thời điểm vệ sinh tay theo khuyến cáo của WHO là vô cùng quan trọng trong phòng ngừa nhiễm khuẩn bệnh viện.

- Đảm bảo hiệu quả của VST cần tuân thủ các bước trong quy trình vệ sinh tay thường quy: Thời gian, thứ tự các bước, số lần chà tay cần đạt được mức tối thiểu cần thiết nhất.

- Cần nâng cao ý thức tuân thủ vệ sinh tay trong NVYT, luôn tuân thủ vệ sinh tay ngay cả khi không có người giám sát.

- Nhóm Bác sĩ, ĐD/HS/KTY cũng như nhóm Vệ sinh và nhóm người nhà NB tại Khoa Cấp cứu – HSTC – Chống độc, khoa Ngoại, khoa Phụ sản là những khoa đóng vai trò quan trọng trong việc phòng ngừa nhiễm khuẩn cao nên nhóm này cần phải tuân thủ đúng đủ quy trình các bước hơn nữa để giảm tỷ lệ nhiễm khuẩn cao hơn.

- Tăng cường tư vấn và hướng dẫn người bệnh người nhà người bệnh cần phải tuân thủ vệ sinh tay trong quá trình chăm sóc và điều trị để phòng ngừa nhiễm khuẩn.

- Tăng cường đào tạo, tập huấn, giám sát vệ sinh tay tại các đơn vị.

Nơi nhận:

- Sở y tế (để báo cáo);
- Ban Giám đốc;
- Các khoa, phòng;
- Lưu: VT, KSNK.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Xuân Lập